

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN TÀI GROUP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN TÀI GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN TAI GROUP VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHAN TAI GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108337023

3. Ngày thành lập: 25/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà MD Complex (khối văn phòng), Số 68 Phố Nguyễn Cơ Thạch, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
2.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng	5629
3.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
4.	Xuất bản phần mềm	5820
5.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; - Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;	6190
6.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
7.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
8.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan ;Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt	7110
9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Quảng cáo	7310

11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Cho thuê xe có động cơ	7710
13.	Điều hành tua du lịch	7912
14.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
15.	Hoạt động bảo vệ cá nhân Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ.	8010
16.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
17.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy kỹ năng đàm thoại; đào tạo kỹ năng nói trước công chúng, đào tạo văn bằng, chứng chỉ. Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém. Các dịch vụ dạy kèm (gia sư). Dạy máy tính.	8559
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: tư vấn giáo dục (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	8560
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng ; (Nghị định 26/2007/NĐ-CP) - Xuất nhập khẩu các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh. (Điều 28 luật thương mại)	8299
21.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
22.	Khai thác và thu gom than non	0520
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha.	4661
24.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
25.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
26.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
27.	Sản xuất rượu vang	1102
28.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
29.	In ấn	1811
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Sao chép bản ghi các loại	1820
32.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
33.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
34.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

37.	Xây dựng nhà các loại	4100
38.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
39.	Xây dựng công trình công ích	4220
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4520
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị chiếu sáng. Bán buôn máy móc, thiết bị cấp, thoát nước.	4659
54.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Đồ ngũ kim; Sơn, véc ni và sơn bóng; Kính phẳng; Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; Thiết bị và vật liệu để tự làm.	4752

60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Bưu chính	5310
63.	Chuyển phát	5320
64.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí); Đồ dệt, trang phục và giày dép; Đồ đạc, gồm sứt, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; Sách, tạp chí; Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; Hoa và cây; Thiết bị điện cho gia đình.	7729
65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
66.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động đại lý, tư vấn, giới thiệu việc làm	7810
67.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
68.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
69.	Đại lý du lịch	7911
70.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
71.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
72.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, Sản xuất phao cứu sinh, Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), Sản xuất mặt nạ khí ga.	3290
73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Thu gom rác thải độc hại	3812
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
77.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; Đại lý bán vé máy bay	4610
78.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
79.	Bán buôn gạo	4631
80.	Bán buôn thực phẩm	4632
81.	Bán buôn đồ uống	4633

82.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
83.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
84.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế biến vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
85.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
86.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
89.	Trồng lúa Chi tiết: Các hoạt động gieo trồng (cấy, sạ) các loại cây lúa: lúa nước, lúa cạn.	0111
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, hạt nhựa, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm);	4669(Chính)
91.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
92.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
93.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
94.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
95.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
96.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
97.	Sản xuất đường	1072
98.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073

99.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất chất giống nhựa; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
100.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
101.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
102.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
103.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
104.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
105.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
106.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
107.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
108.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
109.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
110.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; Sửa chữa dây, đòn bẫy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319
111.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
112.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
113.	Tái chế phế liệu	3830
114.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
115.	Dịch vụ đóng gói	8292
116.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
117.	Giáo dục mầm non	8510
118.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
119.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
120.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
121.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
122.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
123.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
124.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; Sản xuất giấm; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc.	1079

125.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
126.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
127.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
128.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
129.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
130.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
131.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng)	5210
132.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
133.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 19.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH VŨ TUẤN	Khu 6, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	10,000	142573516	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	10,000		
2	PHẠM VĂN DŨNG	Thôn Văn Nhuế, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.140.000	11.400.000.000	60,000	033083000349	
			Tổng số	1.140.000	11.400.000.000	60,000		
3	NGUYỄN ANH NGỌC	Thôn Thọ Bình, Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	10,000	145572399	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	10,000		
4	LÊ TUẤN ANH	13/34/ Lý Quốc Bảo, Phường Nhị Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	10,000	030092002540	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 18/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033083000349

Ngày cấp: 06/04/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Văn Nhuế, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Văn Nhuế, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội